

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/DSST

Ngày: 19/6/2020

*“V/v tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hải;

2. Ông Nguyễn Văn Vệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hà- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19-6-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2019/TLST - DS ngày 31-12-2019, về vụ án *“Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2020/QĐST-DS ngày 06-5-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- N đơn: Nguyễn Thành N, sinh năm 1961.

Địa chỉ: số 96, Nguyễn Trãi, Phường L, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977.

HKTT: số 63, tổ 26, khóm 3, phường L, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

*(N đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện của N đơn Nguyễn Thành N trình bày: Vào ngày 20-4-2018, ông N có cho bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 10.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ do bà Th ký, lãi suất thỏa Thận là 3%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Trong quá trình vay, bà Th có đóng được 02 lần tiền lãi với số tiền 600.000 đồng thì không đóng nữa đến nay. Ông có yêu cầu bà Th trả số nợ còn thiếu nhiều lần nhưng bà Th không trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Thành N yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả số tiền vay còn thiếu là 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn Nguyễn Thị Th vắng mặt không có văn bản ý kiến.

- Về chứng cứ N đơn cung cấp: Biên nhận nợ ngày 20-4-2018.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của N đơn biên nhận do N đơn cung cấp thì xác định số tiền N đơn khởi kiện là tiền vay nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại thành phố C, nên vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn Nguyễn Thị Th đã được tổng đạt hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung:

- Tại phiên tòa sơ thẩm N đơn Nguyễn Thành N yêu cầu Nguyễn Thị Th trả số tiền còn thiếu là 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở. Bởi vì, căn cứ vào biên nhận nợ ngày 20-4-2018 thể hiện số tiền vay theo biên nhận là 10.000.000 đồng. Mặt khác, kể từ khi làm biên nhận nợ đến nay bà Th không có chứng cứ chứng minh là mình đã có trả nợ cho ông N. Do đó yêu cầu của ông N là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Về phần lãi suất: Số tiền bà Th đã đóng cho ông N là 600.000 đồng nhưng thời gian vay từ tháng 4/2018 đến nay thì số tiền lãi theo quy định của pháp luật đã cao hơn 600.000 đồng nên không xem xét điều chỉnh số tiền lãi hai bên đã giao nhận.

- Đối với bà Nguyễn Thị Th mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tổng đạt, công khai chứng cứ và xét xử cho bị đơn nhưng vẫn không có văn bản ý kiến. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và buộc bà Th phải có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của Nguyễn Thành N là phù hợp.

[4] Về lãi suất chậm trả: Tại phiên tòa N đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án theo quy định của pháp luật. Xét thấy phù hợp nên tính lãi suất chậm trả theo Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30-12-2016 của Quốc Hội về án phí thì do yêu cầu N đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí.*

**\* Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành N.

- Buộc bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành N số tiền còn thiếu là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

\* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**\* Về án phí:**

- Trả lại cho ông Nguyễn Thành N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai Th số 0008019 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Minh Tùng**